

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 09-12-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh, bà Hoàng Thị Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trung Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc *Tranh chấp hợp đồng cho vay hạn mức và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-DS ngày 29/9/2021, số 03/2021/QĐST-DS ngày 28/10/2021, số 06/2021/QĐST-DS ngày 22/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ trụ sở: Số X, T, H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Văn V - Giám đốc và bà Nguyễn Khánh H - Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Điện Biên. Địa chỉ: Số Y, đường T, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Văn bản ủy quyền số 1277 ngày 30/9/2021 và Văn bản giao nhiệm vụ tham gia tố tụng số 70 ngày 17/5/2021) (Ông V vắng mặt, bà H có mặt);

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị T

Địa chỉ: Tổ dân phố A (nay là tổ dân phố B), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H)

Địa chỉ: Tổ dân phố A (nay là tổ dân phố B), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/02/2020 bà Tạ Thị T đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Điện Biên để vay số tiền 4.200.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh: thu mua lương thực, hàng nông sản. Thời gian vay từ ngày 17/02/2020 đến 17/02/2021. Việc thanh toán gốc, nợ lãi, lãi chậm trả... theo quy định của Ngân hàng và được ghi trên giấy nhận nợ (lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm, lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tương đương 14,25%/năm, lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và quy định về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bà Tạ Thị T và chồng là ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H) đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 17/02/2020 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Điện Biên. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, các quyền, lợi ích, khoản thanh toán liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ dân phố A (nay là tổ dân phố B), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 13) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CP0369xx, sổ vào sổ cấp GCN: CS425xx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 26/12/2018 mang tên bà Tạ Thị T, ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H). Tài sản bảo đảm hiện vẫn do bà T, ông H đang quản lý sử dụng, không liên quan, tranh chấp với bên thứ ba.

Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Điện Biên đã giải ngân cho bà T vay số tiền 4.200.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bà T không thực hiện đúng cam kết, vi phạm Điều 3 của Hợp đồng, không trả gốc và lãi cho Ngân hàng, cụ thể: Số tiền nợ gốc, lãi đã quá hạn kể từ ngày 25/12/2020.

Từ ngày 25/12/2020 đến nay Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, thông báo, đơn đốc việc trả nợ nhưng bà T không trả nợ cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T:

- Phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm tính đến ngày 17/5/2021 còn nợ là **4.436.530.381 đồng**. Trong đó: Tiền gốc theo Hợp đồng cho vay số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 17/02/2020 là **4.200.000.000 đồng**; Tiền lãi quá hạn là **236.530.381 đồng** (Theo giấy nhận nợ số 01 ngày 17/02/2020 và số 02 ngày 18/02/2020) .

- Phải tiếp tục trả tiền vay trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C theo mức lãi suất và thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 17/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất áp dụng đối với Hợp đồng cho vay số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 17/02/2020 tại thời điểm khởi kiện là: lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tương đương 14,25%/năm.

- Yêu cầu bà Tạ Thị T, ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H) tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 17/02/2020 đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Điện Biên.

Tại phiên tòa ngày 28/10/2021 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của bà Tạ Thị T và bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi (tính đến thời điểm xét xử) vì trong đơn khởi kiện mới tính đến ngày 17/5/2021, cụ thể:

Yêu cầu trả số tiền lãi tính đến ngày 09/12/2021 là 574.313.979 đồng (gồm lãi vay là 413.360.655 đồng và 160.953.324 đồng tiền lãi quá hạn)

Tổng số tiền bà T phải trả là: 4.774.313.979 đồng.

2. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: không trả lời thông báo thụ lý vụ án; không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa.

3. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của đương sự và thông báo để Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tham gia phiên tòa. Theo yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Tuyết trong hợp đồng cho vay hạn mức.

Tại phiên xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/10/2021 Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định: Tài sản là nhà đất của bà T, ông H tại tổ dân phố B (trước đây là tổ dân phố A), phường M, thành phố Đ không có tranh chấp, liên quan đến người thứ ba, hiện vẫn do bà T, ông H quản lý, sử dụng.

Tại kết luận giám định ngày 22/10/2021 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Chữ ký, chữ viết Tạ Thị T trên tài liệu gửi giám định với chữ ký, chữ viết Tạ Thị T trên các tài liệu, mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 317, 318, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244/BLTTDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm b, khoản 1, 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của người khởi kiện Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng cho vay hạn mức và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất” theo quy định tại khoản 3 Điều 26. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 28/10/2021 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn mới cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của bà Tạ Thị T. Do đó, HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là một trong các “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” theo quy định tại khoản 1 Điều 30/BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn số tiền gốc và lãi còn nợ tại hợp đồng cho vay hạn mức và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú, tài sản thế chấp tại Tổ dân phố B, phường M, thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Lã Văn V) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228/BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi: Căn cứ vào kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có đủ căn cứ để xác định ngày 17/02/2020 bà Tạ Thị T đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Điện Biên để vay số tiền 4.200.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho bà T vay số tiền này. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T không thực hiện cam kết, không trả gốc và lãi cho Ngân hàng, vi phạm Điều 3 của Hợp đồng vay. Số tiền nợ gốc, lãi đã quá hạn kể từ ngày 25/12/2020, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng bà T không thực hiện. Cho đến nay bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 4.774.313.979 đồng. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Ngân hàng.

Đối với việc bổ sung yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đến ngày xét xử. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bà Tạ Thị T và ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H) là chồng bà T đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 17/02/2020 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Điện Biên (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ và đăng ký thế chấp tại Trung tâm quản lý đất đai thành phố Đ cùng ngày. Tại mục (a) 1.02 Điều 1 của Hợp đồng: Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn (bao gồm: gốc, lãi, phí, tiền phạt...) của bên được bảo đảm đối với bên nhận bảo đảm đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả các hợp đồng cho vay...mục (b) Tổng giá trị các khoản tín dụng tối đa mà bên nhận thế chấp cho bên được bảo đảm là 4.200.000.000 đồng..(a) 2.02 giá trị tài sản thế chấp là 5.600.000.000 đồng. Bên thế chấp cam đoan và bảo đảm, cam kết sẽ thực hiện các trách nhiệm của mình liên quan đến tài sản thế chấp.

Do đó cần buộc bà Tạ Thị T, ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H) phải tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng.

Xét thấy các Hợp đồng trên đều được Ngân hàng, bà T, ông H ký kết, thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, được đăng ký thế chấp, hợp pháp và có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, 317, 318, 319 Bộ luật dân sự và các bên có nghĩa vụ thi hành.

[2.3] Ngoài ra, theo quy định trong hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận và Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.460.000 đồng (theo phiếu thu ngày

22/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.799.758 đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng với tổng số tiền là 9.259.758 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí tố tụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 162/BLTTDS bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147/BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là (112.000.000 đồng + 0,1 % của 774.313.979 đồng = 112.774.314 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 162, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 317, 318, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

- Buộc bà Tạ Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ số tiền gốc còn nợ cùng số tiền lãi tính đến ngày 09/12/2021 theo Hợp đồng cho vay số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 17/02/2020 với tổng số tiền **4.774.313.979 đồng** (Bốn tỷ bảy trăm bảy mươi tư triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng). Gồm **4.200.000.000 đồng** tiền gốc và **574.313.979 đồng** tiền lãi (Lãi vay là 413.360.655 đồng và 160.953.324 đồng lãi quá hạn) (Theo giấy nhận nợ số 01 ngày 17/02/2020 và số 02 ngày 18/02/2020) .

- Buộc bà Tạ Thị T, ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H) phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 105/2020-HĐCVHM/NHCT184-PBL ngày 17/02/2020 đã ký kết với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Điện Biên. Tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, các quyền, lợi ích, khoản thanh toán liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ A (nay là tổ B) phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 13) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CP0369xx, sổ vào sổ cấp GCN: CS425xx do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Điện Biên cấp ngày 26/12/2018 mang tên bà Tạ Thị T, ông Đỗ Anh H (Đỗ Danh H). (Theo Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 368-2021 của Trung tâm quản lý đất đai thành phố Đ, tỉnh Điện Biên).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Tạ Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Tạ Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Tạ Thị T phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 9.259.758 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

3. Về án phí:

Bà Tạ Thị T phải chịu 112.774.314 đồng (Một trăm mười hai triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.518.265 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm mười tám nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001551 ngày 28/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/12/2021). Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ